

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh với sự lan tỏa tích cực trong nhiều nhóm ngành

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PVT, FPT

[Cập nhật công ty]

DXG, BSR, MSN

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục, có thể thực hiện bán chốt lời từng phần và hạ tỷ trọng các vị thế trading khi chỉ số tiếp cận vùng cản kế tiếp quanh 1300 (+-10).

13/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,270.51	+2.05
VN30	1,272.28	+2.42
HĐTL VN30F1M	1,271.30	+2.54
HNXIndex	238.20	+1.78
HNX30	516.44	+2.56
UPCoM	91.53	+0.84
USD/VND	24,650	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.52	+2
Lãi suất qua đêm (%)	1.35	-12
Dầu (WTI, \$)	78.31	+0.97
Vàng (LME, \$)	2,159.18	+0.04



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,270.51 (+2.05%)
KLGD (triệu CP) 890.3 (+21.1%)
GTGD (triệu US\$) 1,066.6 (+26.6%)

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh với sự lan tỏa tích cực trong nhiều nhóm ngành, thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 460.56 tỷ đồng, tập trung tại VNM (+1.14%), VHM (+0.59%), GEX (+3.86%).

HNXIndex 238.20 (+1.78%)
KLGD (triệu CP) 107.8 (+29.9%)
GTGD (triệu US\$) 89.1 (+39.1%)

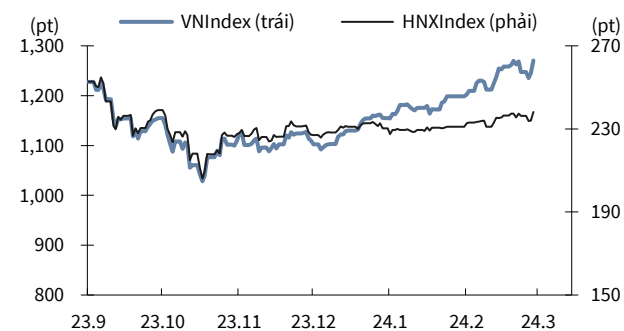
Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), tháng 1, xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang Mỹ đã tăng tốc trở lại với kim ngạch tăng gần 62%. Cổ phiếu ngành thủy sản tăng giá ở VHC (+4.27%), IDI (+3.11%).

UPCoM 91.53 (+0.84%)
KLGD (triệu CP) 51.3 (+34.6%)
GTGD (triệu US\$) 22.1 (+17.0%)

Hợp đồng cao su giao tháng 8 trên sàn Osaka Exchange (OSE) đóng cửa tăng 7.9 yên, hay 2.48%, lên 327 yên (2.22 USD)/kg, mức đóng cửa cao nhất kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2017. Cổ phiếu ngành cao su tăng giá ở GVR (+2.22%), DPR (+3.51%).

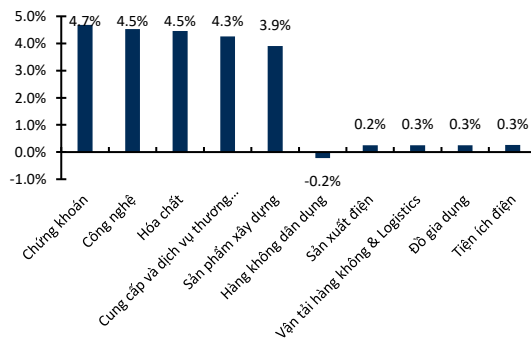
NDTNN mua ròng (triệu US\$) -21.1

VNIndex & HNXIndex



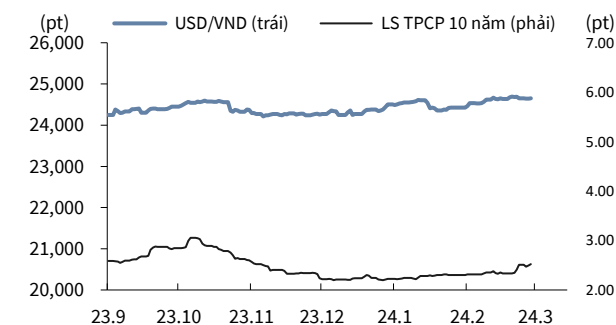
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



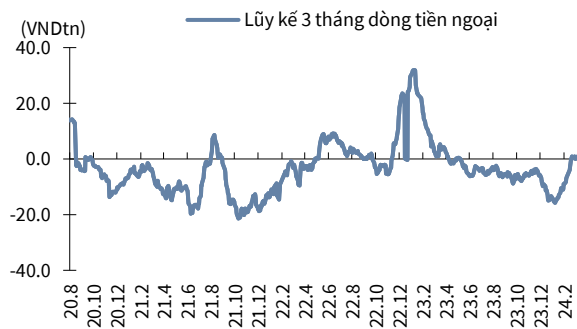
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

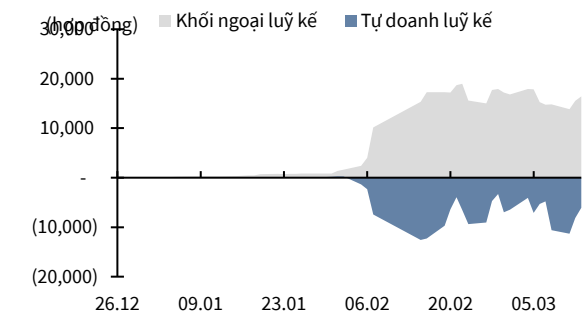
VN30	1,272.28 (+2.42%)
VN30F1M	1,271.3 (+2.54%)
Mở cửa	1,241.0
Cao nhất	1,273.9
Thấp nhất	1,240.2

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa ở mức cao nhất tại -1.03 điểm, sau đó biến động quanh mức -1.73 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -0.98 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

KLGD (HĐ)	247,408 (+7.6%)
------------------	------------------------

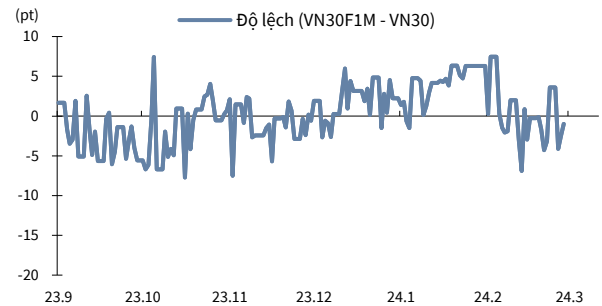
Khối ngoại mua ròng 927 HĐTL VN30F2403 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 16,426 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 2,045 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 6,112 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



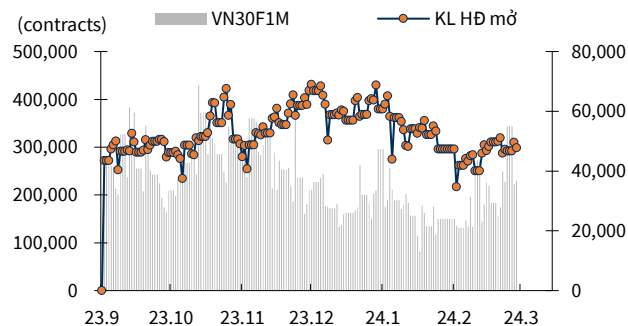
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



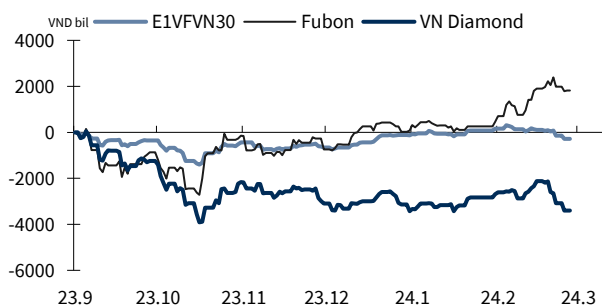
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

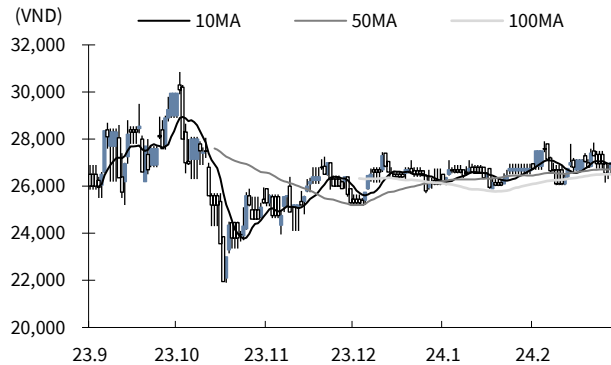
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVT)

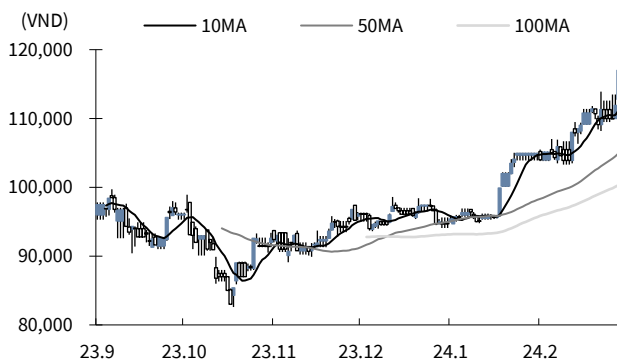


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVT tăng 1.69% lên 27,000 VND/cp

- Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, năm 2024, dự kiến sẽ chi gần 3,400 tỷ đồng đầu tư phát triển kinh doanh; trong đó, dự chi 3,102 tỷ đồng cho kế hoạch nâng tổng công suất đội tàu tăng 40% so với 2023. Cụ thể, PVT dự kiến chi hơn 1400 tỷ VND để đầu tư 1 hoặc 2 tàu chở khí; chi hơn 540 tỷ VND để đầu tư 1 tàu chở hoá chất hoặc tàu chở hàng; và chi hơn 1200 tỷ VND để đầu tư 2 tàu MR hoặc 1 tàu Aframax.

CTCP FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 4.56% lên 117,000 VND/cp

- Công ty cổ phần FPT, HĐQT vừa quyết định bổ nhiệm ông Phạm Minh Tuấn giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT từ ngày 13/3/2024. Ông Tuấn đồng thời tiếp tục kiêm nhiệm vai trò Tổng Giám đốc FPT Software. Ông Tuấn sinh năm 1974, tốt nghiệp Đại học Bách Khoa TP HCM chuyên ngành Khoa học máy tính. Ông từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo quan trọng tại các công ty thành viên của FPT.

CTCP Tập đoàn Masan (MSN)

MCH tiếp tục là trụ cột toàn tập đoàn

13/03/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang
Giangnt1@kbsec.com.vn

Áp lực chi phí lãi vay tiếp tục bào mòn lợi nhuận

Kết thúc 4Q2023, MSN đạt doanh thu thuần 20,781 tỷ đồng (+0.7% YoY), biên LNG đạt 27.8% giảm 1.7ppts QoQ nhưng lại tăng 0.9ppts YoY. Chi phí lãi vay tiếp tục duy trì mức cao trong kỳ, đạt 1,669 tỷ đồng tuy giảm nhẹ so với các quý trước nhưng vẫn tăng 12% YoY. NPAT Pre-MI đạt 517 tỷ đồng (-36% YoY), NPATMI đạt 50 tỷ đồng (-89% YoY).

Hệ sinh thái bán lẻ - tiêu dùng tiếp tục ghi nhận tín hiệu tích cực

Hệ sinh thái bán lẻ - tiêu dùng với trụ cột WCM - MCH tiếp tục ghi nhận những tín hiệu tích cực trong bối cảnh thị trường khó khăn. MCH liên tục tăng trưởng doanh thu, đạt lợi nhuận kỷ lục và là trụ cột cho toàn tập đoàn. WCM sau thời gian nâng cấp cửa hàng cũng ghi nhận các tín hiệu khả quan, cải thiện biên LNG và biên EBITDA.

Áp lực thanh khoản hạ nhiệt, cải thiện bảng cân đối kế toán

MSN cho biết đã hoàn tất thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ đáo hạn trong năm 2023. Trong năm 2024, tổng nợ dài hạn đến hạn trả của MSN đã giảm mạnh so với đầu năm 2023, với dòng tiền liên tục cải thiện cùng với lượng tiền lớn lên đến 250 triệu đô từ thương vụ với Bain Capital, vấn đề thanh khoản không còn là nỗi lo trong thời gian tới đối với MSN.

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu 96,800 VND/cổ phiếu

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2024 của MSN với doanh thu thuần đạt 87,195 tỷ đồng (+11% YoY), NPATMI tăng trưởng mạnh trên mức nền thấp đạt 2,556 tỷ đồng (+510% YoY). Với kỳ vọng hồi phục và áp lực thanh khoản đã qua, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MSN với giá mục tiêu 96,800 VND/cổ phiếu.

MUA DUY TRÌ

Giá mục tiêu	96,800 VND
Tăng/giảm (%)	20%
Giá hiện tại (13/03/2024)	80,900VND
Giá mục tiêu đồng thuận	94,331VND
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	112/4.5

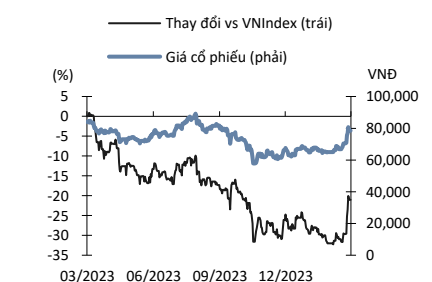
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	45.6%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	126/5.3
Sở hữu nước ngoài	20.3%
Cổ đông lớn	MASAN JSC (31.2%)

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	21.0	18.6	-4.0	-6.4
Tương đối	16.2	6.9	-4.5	-21.0

Dự phóng KQKD & định giá

	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	76,189	78,252	87,195	95,540
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	5,223	2,350	3,722	6,530
NPATMI (tỷ VND)	3,567	419	2,556	4,684
EPS (VND)	2505	293	1703	3121
Tăng trưởng EPS (%)	-65%	-88%	482%	83%
P/E (x)	31.7	269.9	44.2	24.1
P/B (x)	3.1	3.0	2.4	2.2
ROE (%)	12%	5%	8%	11%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	1.0%	1.3%	1.3%	1.3%

Nguồn: MSN, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Đất Xanh (DXG)

Khởi động lại các dự án lớn

12/03/2024

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
 ngaphb@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh Quý 4/2023 hồi phục nhờ bàn giao dự án Opal Skyline

Khởi động lại các dự án lớn

Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận năm 2024

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 20,700VND/cổ phiếu

Doanh thu Quý 4/2023 của DXG đạt 1,400 tỷ VND (+42%YoY) và Lợi nhuận sau thuế đạt 47 tỷ VND so với mức âm 408 tỷ VND cùng kỳ năm 2022 nhờ bàn giao dự án Opal Skyline. Lũy kế cả năm 2023, doanh thu đạt 3,706 tỷ VND (-33%YoY) và LNST đạt 176 tỷ VND (-18%YoY).

DXG dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2 và Quý 3/2024. Việc khởi động lại hai dự án trong năm 2024 giúp cải thiện doanh số bán hàng cho DXG. KBSV ước tính doanh số bán hàng năm 2024 của DXG đạt khoảng 3,205 tỷ VND (+14xYoY.)

KBSV dự báo doanh thu năm 2024 đạt lần lượt 5,306 tỷ VND (+43%Yoy) trong đó (1) Doanh thu mảng môi giới BĐS đạt 1,373 tỷ VND, tăng 128% so với mức nền thấp năm 2023 và (2) Doanh thu mảng chuyển nhượng BĐS đạt 3,488 tỷ VND (+25%YoY) từ bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld. LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 257 tỷ VND (+46%YoY).

Cổ phiếu DXG hiện đang giao dịch ở mức P/B 2024fw là 1.1x, so với P/B trung bình 5 năm là 1.3x. Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu DXG với giá mục tiêu là 20,700 VND/cp, cao hơn 18% so với giá đóng cửa ngày 12/03/2024.

MUA thay đổi

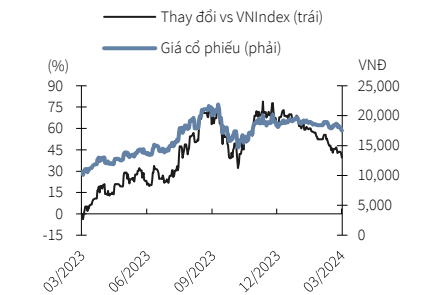
Giá mục tiêu	20,700 VND
Tăng/giảm (%)	18%
Giá hiện tại (12/03/2024)	17,500 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	21,500 VND
Vốn hóa thị trường	12.6/0.5

Dự phóng KQKD & định giá				
FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,512	3,706	5,306	4,516
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	775	441	589	694
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	215	176	257	373
EPS (VND)	351	288	360	523
Tăng trưởng EPS (%)	-82	-18	25	45
P/E (x)	53.39	62.97	48.63	33.48
P/B (x)	1.16	1.14	1.15	1.11
ROE (%)	1.5	1.2	1.6	2.3
Tỷ suất cổ tức (%)	0	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	83.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND,triệu USD)	205.8/8.4
Sở hữu nước ngoài (%)	30.4%
Cổ đông lớn	Ông Lương Trí Thìn (17%)

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tương đối	-5	-5	-17	65
Tuyệt đối	-8	-14	-17	40



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn
(BSR)

Nền kinh tế Trung Quốc ảm đạm là rủi ro chính

Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu
hieupm@kbsec.com.vn

12/03/2024

Doanh thu và lợi nhuận gộp 2023 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ

Trong năm 2023, doanh thu của BSR sụt giảm 12% yoy chủ yếu do giá dầu Brent giảm mạnh 19% yoy. Crack spread nhiên liệu bay duy trì ở mức cao nhờ động lực từ nhu cầu du lịch bằng đường hàng không trong khu vực. Tuy nhiên, crack spread của các loại xăng dầu chủ lực còn lại (Xăng A95,92 và dầu Diesel) đều giảm mạnh từ mức nền cao cùng kỳ, khiến biên lợi nhuận gộp của BSR thu hẹp đáng kể.

Triển vọng kinh tế ảm đạm của Trung Quốc sẽ là rủi ro chính cho crack spread châu Á trong năm 2024

Chúng tôi khá quan ngại về triển vọng kinh tế của Trung Quốc khi quốc gia này vẫn phải đối phó với tình trạng giảm phát và khủng hoảng bất động sản. Chỉ số PMI sản xuất của Trung Quốc vẫn chưa cho thấy dấu hiệu hồi phục. Với việc tiêu thụ nội địa và hoạt động sản xuất công nghiệp trầm lắng, Trung Quốc có thể sẽ tăng cường quota xuất khẩu các loại xăng dầu thành phẩm, tạo ra rủi ro thừa cung tại thị trường châu Á, khiến crack spread suy giảm.

Tồn kho dầu Diesel châu Á ở mức thấp giúp hỗ trợ crack spread cho sản phẩm này

Tồn kho dầu Diesel tại Singapore vẫn duy trì ở mức thấp từ tháng 9/2021 đến nay, giúp hỗ trợ crack spread neo ở mức cao. Nếu không tính tới yếu tố rủi ro liên quan đến tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc, chúng tôi cho rằng tồn kho dầu Diesel vẫn sẽ duy trì ở mức thấp cho năm 2024 nhờ dự báo tăng trưởng GDP cao từ thị trường Ấn Độ và Đông Nam Á.

Khuyến nghị **NẮM GIỮ**, giá mục tiêu là 21,300 VNĐ/cổ phiếu

Chúng tôi sử dụng kết hợp phương pháp chiết khấu dòng tiền doanh nghiệp (FCFF) và so sánh P/B (với BVPS 2024F) để đưa ra khuyến nghị **NẮM GIỮ** cho cổ phiếu BSR với mức giá mục tiêu là 21,300 VNĐ/cổ phiếu, tương đương với upside 12.1% so với giá đóng cửa 19,000 VNĐ/cổ phiếu ngày 12/03/2024.

NẮM GIỮ Duy trì

Giá mục tiêu 21,300 VND

Tăng/giảm (%)	12.1%
Giá hiện tại (12/03/2024)	VND19,000
Giá mục tiêu đồng thuận	VND19,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ/tr. USD)	58,599/2,441

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	7.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/tr. USD)	96.79/4.0
Sở hữu nước ngoài (%)	1.1%
Cổ đông lớn	PVN (92.1%)

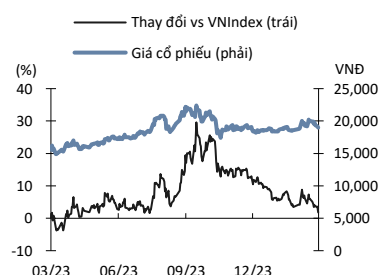
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-5.0	-0.5	-11.2	15.9
Tương đối	-6.5	-9.9	-11.2	-2.0

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2022A	2023A	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	167,124	147,423	121,832	141,885
Lãi/lỗ từ HĐKD	14,673	7,948	6,031	7,653
Lợi nhuận của công ty mẹ (tỷ VNĐ)	14,726	8,511	6,845	8,290
EPS (VNĐ)	4,750	2,745	2,208	2,674
Tăng trưởng EPS (%)	129.1	-42.2	-20.0	21.0
P/E (x)	4.3	7.8	9.7	8.0
P/B (x)	1.2	1.2	1.1	1.1
ROE (%)	28.7	14.8	11.4	13.1
Tỷ suất cổ tức (%)	2.1	3.3	3.3	3.3

Nguồn: Bloomberg, KBCSV



Nguồn: Bloomberg, KBCSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex có phiên bật tăng mạnh, với các nhịp tăng gồng đầu và dần mở rộng biên độ về cuối phiên.
- Việc chỉ số hình thành mẫu nến “Marubozu” tăng điểm với thanh khoản gia tăng và hiệu ứng lan tỏa rộng trên khắp các nhóm ngành, cho thấy vị thế chủ động và áp đảo của bên mua. Diễn biến này tiếp tục xác nhận xu hướng tăng cho VNIndex với khả năng vượt đỉnh ngắn hạn đang được đánh giá cao. Mặc dù vậy, tâm điểm của thị trường trong những nhịp hồi phục gần đây đang có phần tập trung nhiều hơn vào nhóm cổ phiếu mid và smallcap hoặc các mã “trễ nhịp” trong sóng tăng trước; điều này phản ánh tính hấp dẫn dòng tiền của các mã dẫn dắt đã phần nào suy giảm. Vì vậy, chúng tôi lưu ý rủi ro chỉ số sẽ sớm xuất hiện một nhịp điều chỉnh gồng đầu, ngay sau khi vượt vùng đỉnh ngắn hạn cũ.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục, có thể thực hiện bán chốt lời từng phần và hạ tỷ trọng các vị thế trading khi chỉ số tiếp cận vùng cản kế tiếp quanh 1300 (+-10).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1294 – 1299

Kháng cự gần: 1284 – 1286

Hỗ trợ gần: 1259 – 1261

Hỗ trợ xa: 1243 – 1248

- F1 tăng điểm tích cực với các nhịp tăng gồng đầu biên độ mở rộng dần về cuối phiên.
- Phe Long vẫn cho thấy vị thế áp đảo hoàn toàn trong trạng thái giao dịch với việc hình thành mẫu nến “Marubozu” biên độ rộng, đi kèm khối lượng giao dịch gia tăng. Mặc dù quán tính tăng điểm nhiều khả năng sẽ được duy trì, mang lại cơ hội vượt đỉnh ngắn hạn cho chỉ số nhưng F1 sẽ sớm gặp áp lực rung lắc trở lại khi tiếp cận vùng cản kế tiếp quanh 1300 (+-10).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại kháng cự, Short tại hỗ trợ,
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở thăm dò 1 phần vị thế Short tại vùng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

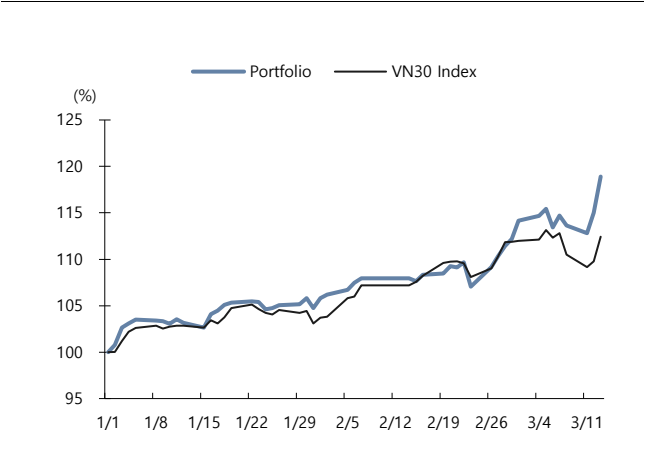
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	2.42%	3.37%
Tăng lũy kế (YTD)	12.45%	18.90%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 13/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	37,950	4.5%	47.4%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	80,600	2.8%	5.5%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	96,000	1.7%	-2.2%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	65,900	3.9%	18.1%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	31,350	3.5%	13.4%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	22,900	1.8%	13.4%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	61,400	4.8%	11.8%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	44,200	1.3%	5.4%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	75,700	6.9%	10.0%	- Màng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/03/2024	101,500	2.5%	12.3%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MWG	3.9%	45.1%	68.5
DCM	3.9%	9.3%	42.0
HPG	2.0%	25.3%	31.3
DPM	3.7%	9.0%	31.3
VCI	6.8%	23.1%	25.3
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	1.1%	52.6%	-242.7
VHM	0.6%	22.0%	-121.1
GEX	3.9%	9.7%	-51.0
VND	4.2%	22.7%	-49.2
VCB	1.7%	23.5%	-43.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DTD	6.9%	3.5%	11.2
MBS	5.4%	0.4%	6.4
VGS	9.8%	1.0%	3.7
LAS	4.8%	1.2%	3.1
HUT	1.6%	1.7%	2.7
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	4.5%	10.3%	-27.7
PVS	1.7%	17.8%	-19.7
IDC	2.0%	2.1%	-10.7
CEO	1.9%	5.3%	-9.1
BVS	4.6%	6.4%	-2.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	11.0%	GVR, DGC, DPM, DCM
Xây dựng và kỹ thuật	7.2%	DIG, HDG, VCG, PC1
Công nghệ	7.2%	FPT, CMG, ELC
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	6.7%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Đồ gia dụng	5.9%	TTF, GDT, EVE, SAV
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính đa dạng	-5.9%	EVF, OGC
Đồ uống	-2.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-1.9%	TNH, JVC, VMD
Thương mại & phân phối	-1.6%	VPG, TSC, BTT, TNA
Tiện ích khí	-1.4%	GAS, PGD, PMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	25.5%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	13.8%	MWG, FRT, CTF, HAX
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	13.6%	TNH, JVC, VMD
Chứng khoán	12.7%	SSI, VND, HCM, VCI
Tập đoàn công nghiệp	12.2%	REE, BCG, PET, EVG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-3.4%	VPG, TSC, BTT, TNA
Hàng không dân dụng	-2.2%	VJC, HVN
Máy móc	-2.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Vật liệu xây dựng	-1.1%	HT1, PTB, GAB, ACC
Tiện ích điện	-1.0%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	228,339 (9.3)	22.5	1,200.0	41.6	14.7	0.0	2.9	1.5	1.4	1.9	-0.7	6.1	0.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	373,986 (15.2)	26.6	5.3	5.0	35.9	17.1	15.9	0.9	0.8	0.6	-0.3	2.8	-0.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	369,437 (15.0)	17.8	14.3	12.5	-7.6	10.9	11.1	1.5	1.4	2.8	0.2	18.3	11.2
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	465,466 (18.9)	31.3	-	32.7	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	2.5	-1.5	-4.3	-2.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	156,030 (6.3)	11.6	33.4	30.1	13.7	7.0	7.5	2.2	2.2	2.7	4.6	20.5	19.7
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	197,107 (8.0)	13.9	43.5	25.0	-	2.7	4.4	1.2	1.2	3.7	0.0	-1.4	-6.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	165,594 (6.7)	6.3	15.3	13.8	11.7	19.3	18.1	2.7	2.2	1.7	0.4	6.7	19.6
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	104,893 (4.3)	12.7	13.9	11.4	-5.3	18.8	18.2	2.1	1.8	1.2	-3.3	7.5	21.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	395,347 (16.1)	0.0	6.6	5.4	14.3	16.2	17.1	1.0	0.9	1.9	-1.8	12.6	32.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	374,332 (15.2)	1.4	8.8	6.9	50.3	17.2	20.0	-	-	1.9	-2.6	-1.0	29.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	304,123 (12.4)	0.0	10.8	7.5	18.8	10.5	13.2	1.0	0.9	2.7	-1.8	-2.8	-0.8
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	601,924 (24.4)	0.0	5.6	4.8	14.6	21.3	20.1	1.2	1.0	3.2	-3.0	1.5	27.9
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	145,379 (5.9)	4.2	5.6	4.5	23.3	24.1	23.5	-	-	0.7	-1.5	-1.9	13.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	674,244 (27.4)	14.0	7.2	4.2	26.5	19.5	25.1	1.1	0.8	2.0	-2.2	-0.8	10.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	325,994 (13.2)	0.0	7.2	5.6	37.4	16.7	18.5	1.1	1.0	2.7	-1.0	2.7	9.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	255,682 (10.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.0	0.6	-2.9	-1.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	29,881 (1.2)	21.0	19.1	-	15.8	7.8	-	-	-	1.4	1.6	6.8	11.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	6,894 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.2	-0.9	4.5	8.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	983,763 (39.9)	55.4	25.3	-	-3.2	9.8	-	-	-	4.5	2.3	8.1	15.7
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	376,066 (15.3)	71.9	31.8	23.6	-4.0	13.4	14.2	3.4	3.3	6.8	8.6	14.4	20.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	291,425 (11.8)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	3.6	1.8	6.4	22.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	750,100 (30.5)	27.2	20.3	15.3	36.3	10.7	11.8	1.8	1.8	4.2	2.4	2.4	5.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	372,157 (15.1)	42.1	16.9	15.2	4.0	28.9	29.8	4.7	4.8	1.1	-1.4	4.7	4.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	92,792 (3.8)	36.9	18.1	17.1	7.3	17.2	16.7	2.9	2.7	0.8	-2.8	3.1	-5.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	406,239 (16.5)	16.5	51.4	24.7	-51.9	9.3	17.2	4.1	3.6	2.8	5.2	24.7	20.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	17,849 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.2	1.9	5.2	-9.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	65,848 (2.7)	11.0	28.9	-	-88.5	11.5	-	-	-	-0.3	-1.6	-2.9	-5.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	140,779 (5.7)	10.8	21.8	18.2	-57.0	13.2	14.6	2.7	2.5	2.8	2.3	16.0	14.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	234,214 (9.5)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	2.4	-0.5	2.7	9.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	451,244 (18.3)	37.7	32.9	16.2	-14.4	7.9	6.7	-	-	3.9	0.2	6.3	-3.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	167,564 (6.8)	3.6	25.6	22.3	-52.4	2.9	3.3	0.8	0.7	6.9	7.2	14.4	10.0
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	65,203 (2.6)	0.0	10.5	9.0	-4.5	12.4	13.9	1.3	1.2	2.6	1.9	12.6	12.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	109,139 (4.4)	46.1	16.0	13.7	-17.5	16.5	16.2	2.3	2.1	1.4	-1.4	4.4	4.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	28,989 (1.2)	31.4	-	15.6	-10.5	1.1	12.7	2.0	2.0	0.4	-0.8	1.8	5.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,083 (0.1)	34.1	6.3	5.7	-5.1	16.4	17.5	-	-	0.7	-0.4	0.4	-6.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	982,568 (39.9)	18.0	14.0	10.2	21.9	11.5	14.6	1.6	1.4	2.0	0.0	9.4	10.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	119,899 (4.9)	36.5	15.6	19.0	-0.5	8.0	7.5	1.2	1.2	3.7	5.6	8.6	10.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	202,947 (8.2)	46.5	12.2	-	-4.5	15.4	18.5	-	-	3.9	6.3	6.9	12.2
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	266,552 (10.8)	38.9	14.0	8.7	67.9	9.3	16.3	1.2	1.1	3.4	-1.5	-2.8	-0.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	49,735 (2.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.9	-1.8	1.9	15.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	43,197 (1.8)	4.6	14.9	14.1	-51.0	11.8	11.7	1.8	1.7	2.1	2.3	6.8	7.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	217,210 (8.8)	39.9	19.5	14.6	-11.9	5.7	6.9	1.1	1.1	3.5	0.5	9.0	10.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	101,065 (4.1)	35.9	7.7	6.4	2.2	16.2	16.5	1.2	1.0	1.7	-1.5	0.9	2.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	595,138 (24.2)	0.0	24.6	12.9	14.4	9.4	14.4	2.8	2.5	3.9	-0.3	4.2	13.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	151,246 (6.1)	0.0	16.0	13.5	2.4	21.6	21.9	3.1	2.7	2.5	6.8	11.3	18.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	17,691 (0.7)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.5	1.0	-12.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	87,131 (3.5)	30.3	66.3	30.6	-75.2	31.8	31.2	11.1	-	0.0	8.9	26.4	47.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	40,202 (1.6)	34.6	20.3	-	41.2	11.7	-	-	-	-0.5	8.7	11.9	20.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,068 (0.1)	45.4	14.9	-	10.7	19.9	-	-	-	1.4	3.6	5.1	8.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	344,938 (14.0)	0.0	19.8	16.3	15.5	28.8	28.4	5.2	4.4	4.6	7.2	11.5	21.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.